**Đọc mở rộng theo thể loại**

**ĐỪNG TỪ BỎ CỐ GẮNG**

**(Trần Thị Cẩm Quyên)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Năng lực**

- Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

- Nêu được những trải nghiệm trong đời sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB.

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà

- Năng lực thưởng thức văn học/ cảm thụ thẩm mĩ

2.P**hẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc chuẩn bị bài, thực hiện nhiệm vụ học tập trên lớp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế họa bài dạy; Máy chiếu, máy tính

- Phiếu bài tập.

**2. Học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu học sinh nghe bài hát: ***Đường đến ngày vinh quang*** của Nhạc sĩ - Ca sĩ Trần Lập. *? Lời bài hát có ý nghĩa như thế nào?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**

- HS: trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Từ học sinh chia sẻ =>*Vào bài mới*

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
|  | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  HS đọc to, diễn cảm văn bản  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. |  |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **1. Các yếu tố nghị luận trong VB “Đừng từ bỏ cố gắng”** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)*  *? Em hãy xác định ý kiến, các lí lẽ và bằng chứng của văn bản "Đừng từ bỏ cố gắng"*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức.  +*Văn bản NL sử dụng các lí lẽ dẫn chứng cụ thể, rõ ràng*  +*Văn bản đưa đến quan điểm về sự nỗ lực cố gắng trước khó khăn thử thách, con người sẽ thành công.* | |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

**Ý kiến:** Trong cuộc sống con người luôn phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại; muốn thành công phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình; rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

**Lí lẽ + bằng chứng:**

- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.

- Bằng chứng:

+ Thô-mát Ê-đi-sơn từng bị đánh giá là “dốt đến mức không học được bất cứ thứ gì’, trải qua nhiều thất bại trước khi phát minh ra dây tóc bóng đèn - phát minh mang kỉ nguyên ánh sáng cho nhân loại.

+ Ních Vu-chi-xích khiếm khuyết tứ chi có thể lội, lướt ván, trở thành nhà diễn thuyết nổi tiếng, là người truyền cảm hứng cho nhiều người vươn tới cuộc sống không giới hạn.

**Vấn đề cần bàn luận:**

*“Đừng từ bỏ cố gắng”*

|  |
| --- |
| **2. Mục đích, đặc điểm của VB nghị luận “Đừng từ bỏ cố gắng”** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nhiệm vụ 1: VB *Đừng từ bỏ cố gắng* được viết ra nhằm mục đích gì?  - Nhiệm vụ 2: Hoàn thiện bảng bài tập trong SGK trang 17 (thời gian thảo luận 3 phút)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT**  ***NV1:*** suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  ***NV2:*** Thảo luận nhóm (6 nhóm)  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT**  ***\* NV 1:***  - HS trình bày ý kiến.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  ***\* NV 2:***  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.  - Chốt kiến thức. |

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

***\* NV 1:*** Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được trong cuộc sống luôn có những khó khăn, thử thách và thất bại nhưng con người cần phải nỗ lực, có ý chí và niềm tin ắt sẽ thành công.

***\* NV 2:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống | Biểu hiện trong VB *Đừng từ bỏ cố gắng* | Tác dụng trong việc thực hiện mục đích VB |
| Thể hiện rõ ý khen, chê, đồng tình, phản đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận | *Thể hiện quan điểm đồng tình với vấn đề cần bàn luận* | *Người đọc nhận rõ được những mặt tích cực của vấn đề đặt ra trong bài viết* |
| Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe | *- Lí lẽ: Thành công bắt đầu từ những khó khăn, thất bại hàng vạn lần. Kiên trì nỗ lực theo đuổi ước mơ sẽ tôi luyện bản lĩnh, mở rộng tầm nhìn, trưởng thành hơn.*  *- Bằng chứng:*  *+ Thành công của Thô-mát Ê-đi-sơn*  *+ Sự nỗ lực hết mình của Ních Vu-chi-xích, một người sinh ra bị khiếm khuyết tứ chi* | *Các lí lẽ, bằng chứng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, giúp củng cố ý kiến, tăng tính thuyết phục cho VB* |
| Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí | *Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo một trình tự hợp lí* | *Bài nghị luận khoa học, chặt chẽ.* |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV tổ chức trò chơi “Đón khách lên xe buýt”. HS sẽ giúp các bạn học sinh lên xe buýt bằng cách điền từ còn thiếu vào dấu “…”.

Câu 1: Văn nghị luận là loại văn bản có mục đích nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về ...

*TL: Một vấn đề*

Câu 2: Trong văn nghị luận, người viết trình bày ... về một ... mà mình quan tâm, sử dụng lí lẽ .... để củng cố cho ý kiến của mình.

*TL: ý kiến – vấn đề – bằng chứng*

Câu 3: Lí lẽ: Cơ sở cho ý kiến, .... của ....

*TL: Quan điểm – người viết*

Câu 4: Bằng chứng: những minh chứng làm rõ cho lí lẽ, có thể là ...... , ........ , ....... từ thực tế.

*TL: nhân vật – sự kiện – số liệu*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS tham gia trò chơi bằng cách trả lời các câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao nhiệm vụ: *Cuộc đời của mỗi chúng ta có thể ví như một hành trình tri thức, một hành trình gian nan, khó khăn đầy thử thách nhưng cũng đầy ắp những điều lí thú mở ra trước mắt. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một phép liên kết.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận**

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

**B4: Kết luận, nhận định**

Nhận xét ý thức làm bài của HS

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1.Bài vừa học:

- Học thuộc nội dung ghi vở

2.Bài sắp học: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống

-Đọc và trả lời câu hỏi sgk/ 17,18